

LỰA CHỌN GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY, HỌC TRỰC TUYẾN MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

ThS. Nguyễn Hữu Lực¹, ThS. Nguyễn Thanh Giang¹, ThS. Nguyễn Văn Hiến²

¹*Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Đà Nẵng;*

²*Khoa GDTC - QPAN - Đại học Phạm Văn Đồng.*

Tóm tắt: Chuyển từ hình thức học trực tiếp sang trực tuyến trong thời điểm ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 có ý nghĩa thực tế nhằm đảm bảo các hoạt động giáo dục và đào tạo diễn ra bình thường và hiệu quả. Thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học Giáo dục Thể chất thường quy, nghiên cứu xác định mục đích chính là đánh giá thực trạng và đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo theo hình thức dạy, học trực tuyến môn học Giáo dục Thể chất cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng. Kết quả của nghiên cứu được sử dụng là căn cứ hoàn thiện các kế hoạch, xây dựng chương trình đào tạo và học tập trực tuyến phù hợp với thực tế nhằm đạt được các yêu cầu và đảm bảo hoàn thành mục tiêu về thể chất, sức khỏe của chương trình môn học GDTC trong các thời điểm giãn cách xã hội nếu có trong tương lai hoặc các chương trình đào tạo trực tuyến từ xa. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc học tập trực tuyến môn học Giáo dục Thể chất còn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập. Nghiên cứu lựa chọn được 08 giải pháp phù hợp, tin cậy và có độ đồng thuận từ các nhà chuyên môn cao ($\geq 70\%$). Kết quả ứng dụng các biện pháp ban đầu đã thu được các kết quả cải thiện khả quan và tin cậy.

Từ khóa: Giáo dục thể chất; giãn cách xã hội; học online; giải pháp; Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng.

Abstract: Switching from face - to - face to online learning during the COVID - 19 pandemic has practical significance in order to ensure normal and effective education and training activities. Through the use of scientific research methods in routine Physical Education, the main purpose of the study is to assess the current situation and propose solutions to improve the effectiveness of training in the form of online learning in Physical Education for students at Danang University of Technology and Education. The results of the research are used as a basis for completing the plans, training programs and learning in accordance with reality in order to achieve the actual goals and requirements. Research results show that the online learning of Physical Education subject still has many difficulties and inadequacies. The study selected 08 suitable, reliable and consensus solutions from experts ($\geq 70\%$). The results of the application of the initial measures have obtained positive and reliable improvement results.

Keywords: Physical education; social distancing; online learning; solution; The University of Danang - University of Technology and Education.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hội chứng hô hấp cấp tính nghiêm trọng do virus Sars - CoV - 2 (Covid - 19) gây ra là đại dịch nguy hiểm toàn cầu, ảnh hưởng của nó tác động toàn diện tới tất cả các mặt xã hội hiện đại. Do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, chuyển sang học tập trực tuyến là lựa chọn thích ứng phù hợp trong bối cảnh hiện dịch bệnh diễn biến phức tạp. Đây là hoạt động nhằm hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục, thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung bài học hoặc chủ đề trong chương trình Giáo dục để hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp bài học hoặc chủ đề đó tại cơ sở giáo dục.

Tại Việt Nam, hình thức học tập trực tuyến đã được ứng dụng từ lâu tại các cơ sở giáo dục phục vụ các hình thức đào tạo từ xa. Tuy nhiên hình thức dạy học này đặc biệt được chú ý và là một lựa chọn phù hợp của của các cơ sở giáo dục nói chung và Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng (ĐHSPKT - ĐHDN) nói riêng trong giai đoạn giãn cách xã hội vì đại dịch Covid - 19. Học tập trực tuyến có nhiều ưu điểm nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn thách thức.

Trong thời gian giãn cách xã hội vừa qua, Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Đà Nẵng đã nhanh chóng thích ứng, xây dựng chương trình học tập môn học Giáo dục Thể chất (GDTC) trực tuyến giành cho sinh viên (SV) ĐHDN. Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá thực trạng việc học tập trực tuyến môn học GDTC của SV ĐHSPKT - ĐHDN trong thời gian giãn cách xã hội do dịch Covid - 19; từ đó đề xuất giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả học tập trực tuyến. Kết quả của nghiên cứu là căn cứ thực tế

để điều chỉnh hoặc áp dụng các kế hoạch, chương trình học tập trực tuyến phù hợp với thực tế nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu về thể chất, sức khỏe của chương trình môn học GDTC trong các thời điểm giãn cách xã hội nếu có trong tương lai hoặc các chương trình đào tạo trực tuyến từ xa. Nghiên cứu cũng được xác định là tiền đề để phát triển và ứng dụng đối với chương trình giảng dạy trực tuyến môn học GDTC cho toàn bộ SV các trường thuộc ĐHDN.

Khách thể nghiên cứu: là SV năm thứ nhất trường ĐHSPKT - ĐHDN, học môn học GDTC trực tuyến không chuyên trong năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022. Tiêu chuẩn lựa chọn: 1) là SV trường ĐHSPKT - ĐHDN; 2) tự nguyện tham gia; 3) hoàn thành các phỏng vấn và dữ liệu nghiên cứu. Tất cả SV đang học môn học GDTC trực tuyến không chuyên thuộc các nhóm Microsoft Team (MS Team: Phần mềm học tập trực tuyến) được nhận thông báo về cuộc khảo sát (thông qua thông tin SV do các giảng viên (GV) trực tiếp giảng dạy các lớp), các SV tự nguyện và phù hợp với các tiêu chí cơ bản sẽ được giữ lại để hướng dẫn khảo sát, phỏng vấn và thu thập dữ liệu (kết quả NC không ảnh hưởng đến kết quả học tập môn học GDTC của đối tượng nghiên cứu).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng vấn đề nghiên cứu và đặc điểm đối tượng nghiên cứu

1.1. Thực trạng vấn đề nghiên cứu

Để đánh giá các vấn đề thực trạng, nghiên cứu tiến hành khảo sát các yếu tố có liên quan, kết quả thu được tại các bảng 1, 2, và 3 như sau:

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ giảng viên giảng dạy môn học GDTC

Σ	Trình độ					Hạng GV			$\overline{xx}$ tuổi	Giới tính		$\overline{xx}$ thâm niên
	PSG.TS	Tiến sĩ	Nghiên cứu sinh	Thạc sĩ	Cử nhân	I	II	III		Nam	Nữ	
42	1	2	3	29	7	1	3	38	36	36	06	15
Tỉ lệ (%)	2	5	7	69	17	2	7	91		85	15	

Kết quả bảng 1 cho thấy vấn đề bồi dưỡng và đáp ứng các yêu cầu cơ bản, nâng cao cho nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng việc xây dựng, hoàn thiện chương trình cũng đội ngũ, chuẩn hoá đội GV đã được quan tâm như giảng dạy.

Bảng 2. Thực trạng thời gian, phương tiện học tập trực tuyến môn GDTC của SV ĐHSPTK - ĐHĐN (n= 313)

Nội dung			Kết quả khảo sát	
			Tán thành	%
Thời gian sử dụng mạng Internet trung bình hàng ngày	Phục vụ học tập môn học GDTC	Σ	71	23
		0 ~ 60 phút	51	72
		60 ~ 120 phút	20	28
		120 ~ 180 phút	0	0
		Trên 180 phút	0	0
	Phục vụ các mục đích khác	Σ	313	100
		0 ~ 60 phút	14	5
		60 ~ 120 phút	21	7
		120 ~ 180 phút	33	11
		Trên 180 phút	245	77
Thiết bị được sử dụng phục vụ cho việc học tập trực tuyến	Điện thoại thông minh		286	91
	Máy tính xách tay (laptop)		309	99
	Máy tính để bàn (cố định)		251	80
	Khác: không có, mượn người thân...		1	0.3
Địa điểm thường được sử dụng phục vụ cho việc học tập trực tuyến	Bất cứ nơi nào thuận tiện tại nhà		254	81
	Phòng riêng tại nhà		163	52
	Nhà bạn bè, người thân		7	2

Kết quả bảng 2 cho thấy, thời gian SV sử dụng internet cho mục đích học tập môn học GDTC (23%) trung bình hàng ngày rất thấp so với phục vụ cho các hoạt động khác (100%). 0→60 phút là thời gian trung bình giành cho việc học cao nhất (72%), không có SV (0%) giành ≥ 120 phút cho việc học tập. Kết quả nghiên cứu so sánh thời gian sử dụng internet phục vụ mục đích khác cho thấy chiều ngược lại, >180 phút (77%) và từ 0→60 phút (5%) là thời gian trung bình SV sử dụng hàng ngày. Thời gian học trực tuyến kéo dài khiến SV thụ động, ngồi nhiều và ít vận động hơn, ta ra những mệt mỏi về thể chất và tinh thần dẫn đến giảm sự tập trung chú, hứng thú học tập và có xu hướng dành

thời gian sử dụng internet cho mục đích khác. Các thiết bị được SV ưu tiên sử dụng nhiều nhất lần lượt từ máy tính xách tay (99%), điện thoại thông minh (91%), máy tính để bàn (80%) và đáng chú ý trường hợp không có trang thiết bị (0.3%). Trong quá trình học tập trực tuyến, địa điểm thường được sử dụng phục vụ cho việc học tập được xem là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng học tập. Do giãn cách xã hội, đa phần SV học tập tại bất cứ nơi nào thuận tiện tại nhà (81%), phòng riêng tại nhà (52%), tuy nhiên vẫn có trường hợp phải học nhờ nhà bạn bè, người thân (2%) do thiếu điều kiện, phương tiện học tập.

Bảng 3. Thực trạng học tập trực tuyến môn học GDTC (n= 313)

Nội dung			Kết quả khảo sát	
			n	%
1	Sinh viên phòng tránh được sự lây nhiễm của virus Sars - CoV - 2	Đúng	307	98
		Đúng một phần	6	2
		Không đúng	0	0
2	Sinh viên có nhiều thời gian trong việc nghiên cứu tài liệu, videoclip học tập và thực hành tại nhà	Đúng	302	96
		Đúng một phần	10	3.7
		Không đúng	1	0.3
3	Sinh viên khó quan sát được động tác thị phạm của giảng viên (GV)	Đúng	29	9
		Đúng một phần	212	68
		Không đúng	72	23
4	Sinh viên khó tiếp thu được kiến thức	Đúng	27	8
		Đúng một phần	43	14
		Không đúng	243	78
5	Sinh viên khó tương tác, trao đổi thông tin, chỉnh sửa kỹ thuật giữa SV và GV	Đúng	32	10
		Đúng một phần	178	57
		Không đúng	103	33
6	Sinh viên khó xây dựng được hứng thú học tập cho bản thân so với học trực tiếp	Đúng	113	36
		Đúng một phần	97	31
		Không đúng	103	33
7	Sinh viên khó thực hành theo đúng động tác của GV hướng dẫn	Đúng	141	45
		Đúng một phần	119	38
		Không đúng	53	17

8	Sinh viên chưa được trang bị kỹ năng học tập trực tuyến và tương tác cùng GV và các bạn trong lớp	Đúng	247	79
		Đúng một phần	50	16
		Không đúng	16	5
9	Sinh viên chưa được trang bị kỹ năng sử dụng phần mềm học tập trực tuyến và thiết bị phục vụ học tập	Đúng	241	77
		Đúng một phần	44	14
		Không đúng	28	9
10	Sinh viên gặp sự cố về mạng lưới điện	Thường xuyên	6	2
		Không thường xuyên	28	9
		Ổn định	279	89
11	Sinh viên gặp sự cố về đường truyền tín hiệu Internet	Thường xuyên	25	8
		Không thường xuyên	153	49
		Ổn định	135	43
12	Sinh viên gặp sự cố về thiết bị được sử dụng phục vụ cho việc học tập trực tuyến	Thường xuyên	35	11
		Không thường xuyên	75	24
		Ổn định	203	65
13	Sinh viên không có không gian phù hợp phục vụ cho việc học tập và thực hành	Đúng	225	72
		Đúng một phần	13	4
		Không đúng	75	24
14	Sinh viên bị chi phối nhiều bởi môi trường xung quanh	Đúng	241	77
		Đúng một phần	44	14
		Không đúng	28	9
15	Sinh viên gặp các vấn đề về sức khỏe tinh thần: căng thẳng, lo âu, trầm cảm, chán nản, mất tập trung, dễ nóng giận, không hứng thú....	Đúng	53	17
		Đúng một phần	160	51
		Không đúng	100	32
16	Sinh viên gặp các vấn đề về sức khỏe thể chất: nhanh mệt, hội chứng đau cổ - vai - gáy, đau đầu, đau lưng giảm thị lực....	Đúng	37	12
		Đúng một phần	182	58
		Không đúng	94	30
17	Sinh viên đánh giá học tập trực tuyến môn học GDTC có nhiều hiệu quả như thế nào so với học trực tiếp	Hiệu quả	9	3
		Hiệu quả hơn một ít	38	12
		Tương đương	88	28
		Ít hiệu quả hơn	97	31
		Rất ít hiệu quả	81	26
18	Sinh viên đánh giá học tập trực tuyến môn học GDTC đáp ứng được nhu cầu của bản thân hơn so với học trực tiếp	Đáp ứng	28	9
		Đáp ứng hơn một ít	41	13
		Tương đương	81	26
		Ít đáp ứng hơn	94	30
		Rất ít đáp ứng	69	22
19	Sinh viên đánh giá học tập trực tuyến môn học GDTC tăng khả năng tương tác giữa GV và SV, giữa SV và SV	Có tăng tương tác	116	37
		Có tăng hơn một ít	110	35
		Tương đương	59	19
		Ít tương tác hơn	16	5
		Rất ít tương tác	12	4

Kết quả bảng 3 cho thấy, mặc dù được các lãnh đạo quan tâm, tuy nhiên dạy, học trực tuyến vẫn còn nhiều hạn chế xuất phát từ nhiều lý do khác nhau. Trong đó, 68% SV cho rằng gặp khó khăn một phần trong việc quan sát các động tác thị phạm của GV, 45% SV khẳng định khó thực hành theo đúng động tác hướng dẫn; tuy nhiên 78% tán thành việc không khó để tiếp thu được kiến thức môn học. Từ đó chỉ ra các giới hạn của việc học tập trực tuyến thông qua thiết bị như điện thoại thông minh, laptop, máy tính để bàn được sinh viên đánh giá tương đối khó tương tác, trao đổi thông tin, đặc biệt là việc chỉnh sửa kỹ thuật động tác giữa SV và GV trong quá trình học thực hành trực tuyến (45%), dẫn đến 36% SV khẳng định rằng bản thân khó xây dựng được hứng thú học tập hơn so với học trực tiếp tại trường; như vậy cần có phương án xây dựng chương trình học tập sinh động và cụ thể hơn, thiết kế bài giảng cần chú trọng nhiều vào tranh ảnh, đặc biệt chú trọng xây dựng các videoclip hướng dẫn cụ thể nhằm tăng hứng thú cho người học. SV tự đánh giá bản thân gặp khó khăn do chưa được trang bị kỹ năng học tập trực tuyến và tương tác cùng GV, bạn trong lớp (79%) và 77% SV đánh giá bản thân chưa được trang bị kỹ năng sử dụng phần mềm học tập trực tuyến và thiết bị phục vụ học tập gây khó khăn ban đầu trong việc tiếp cận chương trình học; như vậy cần có kế hoạch trang bị cho SV các phương pháp, kỹ năng sử dụng thiết bị công nghệ, phần mềm ứng dụng, kỹ năng tương tác, truyền đạt và tiếp nhận thông tin trong học tập trực tuyến. Về đường truyền tín hiệu, 49% SV đánh giá

đường truyền internet là thiếu ổn định, 8% đánh giá đường truyền thường xuyên thiếu ổn định gây trở ngại lớn đến việc học tập. Sự ổn định của trang thiết bị phục vụ học tập, 65% SV đánh giá các thiết bị phục vụ học tập hoạt động ổn định trong suốt thời gian học, 24% gặp sự cố khi hoạt động và 11% đánh giá thiết bị thường xuyên gặp trục trặc ảnh hưởng đến quá trình học tập. Bên cạnh đó, những khó khăn khác về điều kiện học tập như không gian địa điểm học tập bất lợi với tỷ lệ 24%; 72% SV gặp khó khăn vì không có không gian phù hợp phục vụ cho việc học tập và thực hành, vì vậy có đến 77% đánh giá bản thân bị chi phối bởi môi trường xung quanh trong lúc học tập. Thời gian giãn cách xã hội kéo dài, thường xuyên học tập trực tuyến gây nên các vấn đề về tâm lý và sức khỏe tinh thần và thể chất cho SV. 51% SV tin rằng việc học trực tuyến gây một phần đúng gặp các vấn đề về tâm lý như mất tập trung, giảm hứng thú... (17% khẳng định đã mắc). 58% SV tin rằng việc học trực tuyến gây một phần đúng các vấn đề về sức khỏe: nhanh mệt, đau đầu, giảm thị lực...tuy nhiên 30% không công nhận điều này. Trải qua học kỳ học tập trực tuyến môn học GDTC, SV đánh giá hiệu quả của chương trình so với việc học tập trực tiếp tại trường: 31% đánh giá học tập trực tuyến môn học GDTC ít hiệu quả như thế nào so với học trực tiếp trong khi đó 28% là tương đương và 26% đánh giá là ít hiệu quả hơn; 30% đánh giá học tập trực tuyến môn GDTC không đáp ứng được nhu cầu của bản thân hơn so với học trực tiếp; 35% đánh giá học tập trực tuyến môn học GDTC tăng khả năng tương tác giữa GV - SV, và SV - SV.

1.2. Đặc điểm đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 4. Đặc điểm và kết quả kiểm tra cuối học kỳ I của đối tượng nghiên cứu (n= 313)

Biến		Chỉ số		
Tuổi (năm)		19.3 ± 0.7		
Giới tính	Nam	167 (53%)		
	Nữ	146 (47%)		
Tự đánh giá tình trạng sức khỏe	Tốt	69 (22%)	Nam	43 (62%)
			Nữ	26 (38%)
	Bình thường	239 (76%)	Nam	157 (66%)
			Nữ	82 (34%)
	Không tốt	5 (2%)	Nam	2 (40%)
			Nữ	3 (60%)
Dân tộc	Kinh	304 (97%)		
	Thiểu số	9 (3%)		
Nơi sinh sống	Thành phố	133 (43%)		
	Không ở thành phố	180 (57%)		
Kết quả kiểm tra kết thúc học kỳ I	Giỏi - Xuất sắc (9 - 10 điểm)	16 (5.1%)	Nam	13 (7.8%)
			Nữ	3 (2.1%)
	Khá (7 - 8 điểm)	96 (30.7%)	Nam	55 (32.9%)
			Nữ	41 (28.1%)
	Trung bình (5 - 6 điểm)	122 (38.9%)	Nam	65 (38.9%)
			Nữ	57 (39.0%)
	Dưới trung bình (dưới 5 điểm)	79 (25.2%)	Nam	34 (20.4%)
			Nữ	45 (30.8%)
Kết quả tự đánh giá về việc tiếp thu nội dung kiến thức học tập trực tuyến môn học GDTC	Tốt	16 (5.1%)	Nam	13 (7.8%)
			Nữ	3 (2.1%)
	Khá	96 (30.7%)	Nam	55 (32.9%)
			Nữ	41 (28.1%)
	Trung bình	122 (38.9%)	Nam	65 (38.9%)
			Nữ	57 (39.0%)
	Dưới trung bình	79 (25.2%)	Nam	34 (20.4%)
			Nữ	45 (30.8%)

Kết quả bảng 4 cho thấy số SV ĐHSPKT - ĐHĐN tự nguyện tham gia khảo sát là 313, độ tuổi trung bình 18 - 20, tỉ lệ nam = 53% và nữ = 47.6%. Tỉ lệ nam tự đánh giá có sức khỏe tốt (62%) và bình thường (66%) lớn hơn so với nữ và nữ tự đánh giá sức khỏe không tốt ở mức khá cao (60%). Tỉ lệ SV nữ trong nhóm kết quả thi trung bình và dưới

trung bình cao hơn hẳn so với SV nam. Xét về điều kiện học tập và khả năng tiếp cận, sử dụng trang thiết bị, công nghệ, SV ở các thành phố chiếm lợi thế hơn các SV không ở thành phố.

2. Lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả dạy, học trực tuyến môn GDTC cho SV ĐHSPKT - ĐHĐN

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả dạy, học trực tuyến môn học GDTC cho sinh viên ĐHSPKT - ĐHĐN (n= 28)

TT	Nội dung	Tán thành		Không tán thành	
		n	%	n	%
1	Nâng cao tinh thần tự giác của SV trong học tập môn học GDTC	17	59	11	41
2	Ứng dụng các môn học mới phù hợp với đặc điểm cá nhân người học	24	87	4	13
3	Tăng cường truyền thông về ý nghĩa, vai trò của môn học đối với sức khỏe	19	68	9	32
4	Xây dựng tài liệu hướng dẫn, các phương pháp, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ hoạt động học tập	23	81	5	15
5	Thiết kế và xây dựng giáo án phù hợp với dạy học trực tuyến	25	89	3	11
6	Tăng cường sử dụng phương pháp trò chơi trong giờ học GDTC	22	79	6	21
7	Quan tâm, khuyến khích, kiểm tra, đánh giá đúng, công bằng trong giảng dạy	15	55	13	45
8	Tăng cường công tác phối, tổ chức tập huấn chuyên môn cho GV	20	72	8	28
9	Tăng cường giáo dục ý nghĩa, mục đích, vị trí và vai trò của môn học GDTC	21	77	7	23
10	GV tự nêu gương tốt về rèn luyện thân thể, thường xuyên cập nhật kiến thức về GDTC tạo hiệu ứng truyền thông và khích lệ tinh thần học tập, rèn luyện của SV	19	68	9	32
11	GV tăng cường tương tác và trao đổi với SV	20	72	8	28
12	Thiết kế, xây dựng, hoàn thiện, số hóa tài liệu học tập	26	94	2	6

Từ kết quả phỏng vấn bảng 5, nghiên cứu xác định lựa chọn các giải pháp nâng cao hiệu quả học tập trực tuyến môn học GDTC cho SV ĐHSPKT - ĐHĐN nhận được sự tán thành cao từ $\geq 70\%$ trở lên, nhóm nghiên cứu lựa chọn được 8 giải pháp, cụ thể bao gồm các giải pháp số 2, 4, 5, 6, 8, 9, 11 và 12.

3. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả ứng dụng cơ bản ban đầu cho các giải pháp nâng cao hiệu quả dạy, học trực tuyến môn học GDTC sinh viên ĐHSPKT - ĐHĐN

Quá trình thực nghiệm được thiết kế kéo dài trong học kỳ II năm học 2020 - 2021. Thiết kế thực nghiệm được tiến hành trong 15 giáo án, đối tượng thực hành giáo án là các tác giả. Thống nhất chương trình được thực hiện trước khi bước vào học kỳ II cho tất cả các lớp có đối tượng nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu được áp dụng đánh giá độc lập, kết quả được ghi nhận đối với nhóm SV tham gia nghiên cứu, các SV còn lại được quan sát để bổ sung các quan điểm và đối chiếu kết quả. Kết quả sau thực nghiệm như sau:

Bảng 6. Kết quả tự đánh giá về việc tiếp nhận kiến thức môn GDTC cuối học kỳ II của SV (n= 313)

Xếp loại	n/%	Nam/%	Nữ /%
Giỏi - Xuất sắc (9 - 10 điểm)	19/6.1	14/8.4	5/3.4
Khá (7 - 8 điểm)	107/34.2	63/37.7	44/30.1
Trung bình (5 - 6 điểm)	163/52.1	82/49.1	81/55.5
Dưới trung bình (dưới 5 điểm)	24/7.7	8/4.8	16/10.9

Kết quả bảng 6 cho thấy có sự thay đổi cơ bản về số lượng và tỉ lệ SV trong các mức tự đánh giá xếp loại mức độ tiếp thu nội dung môn học, cụ thể: số lượng và tỉ lệ SV các nhóm giỏi - xuất sắc tăng không đáng kể (1%) so với trước thực nghiệm; nhóm xếp loại khá tăng không đáng kể (3.5%) so với trước thực nghiệm; nhóm xếp loại trung bình tăng mạnh (13.2%) so với trước thực nghiệm; đặc biệt, nhóm dưới trung bình giảm 17.7% so với trước thực nghiệm. Kết quả này cho thấy, bước đầu thực nghiệm các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy, học GDTC online đã cho thấy hiệu quả ứng dụng trong thực tế đối tượng và chương trình.

KẾT LUẬN

Thực trạng học tập trực tuyến môn GDTC của SV ĐHSPKT - ĐHĐN trong thời

gian giãn cách xã hội do dịch Covid - 19, ngoài một số thuận lợi, còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình học tập. Từ thực trạng trên, nhóm nghiên cứu đã đề xuất và lựa chọn được 8 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập trực tuyến môn GDTC có độ đồng thuận từ các chuyên gia ở mức $\geq 70\%$. Thông qua ứng dụng thực tế, kết quả tự đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức môn GDTC cho thấy số lượng và tỉ lệ SV trong các nhóm có sự biến đổi rõ rệt, trong đó nhóm SV mức dưới trung bình giảm 17.7% so với trước thực nghiệm. Kết quả của nghiên cứu là căn cứ thực tế để điều chỉnh các kế hoạch và nội dung giảng dạy môn GDTC trực tuyến đạt được hiệu quả tốt hơn trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tạ Minh Đức, Đỗ Anh Đức (2020), *Chất lượng giảng dạy trực tuyến trong đại dịch Covid - 19 tại một số trường học phổ thông ở Việt Nam*, Tạp chí Công Thương, 17, 269 - 274
- [2]. Kampov - Polevoi, J. (2010), *Considerations for supporting faculty in transitioning a course to online format*, Online Journal of Distance Learning Administration, 13.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 09/2021/TT - BGDĐT, Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021, *Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên*.
- [4]. 2021Johnson, Freedman, Andrew (2020), *Social distancing could buy U.S. valuable time against coronavirus*.
- [5]. <https://en.unesco.org/covid19/educationresponse>.

Bài nộp ngày 18/2/2022, phản biện ngày 24/5/2022, duyệt đăng ngày 10/6/2022